

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC VÀ DU LỊCH HNL GLOBAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC VÀ DU LỊCH HNL GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HNL GLOBAL HUMAN RESOURCES & TOURISM DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HNL GLOBAL JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110794531

3. Ngày thành lập: 25/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 25H, ngõ 4, thôn Cầu, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0358836898

Fax:

Email: hnlglobaljsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4911
2.	Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4912
3.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4921
4.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4922
5.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4929
6.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4931
7.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng đường bộ nội tỉnh, liên tỉnh (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4932
8.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4933
9.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
10.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
11.	Vận tải hành khách hàng không	5110
12.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120

Thời gian đăng từ ngày 26/07/2024 đến ngày 25/08/2024

13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
17.	Bốc xếp hàng hóa	5224
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
20.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
21.	Cơ sở lưu trú khác	5590
22.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
23.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
24.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
25.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
26.	Lập trình máy vi tính	6201
27.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
28.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
29.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
30.	Cổng thông tin	6312
31.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
32.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
33.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
34.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
35.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
36.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
38.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
39.	Quảng cáo	7310
40.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
41.	Hoạt động thú y	7500
42.	Cho thuê xe có động cơ	7710
43.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
44.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
45.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729

46.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
47.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
48.	Đại lý du lịch	7911
49.	Điều hành tua du lịch	7912
50.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
51.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
52.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
53.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
54.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
55.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
56.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
57.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
58.	Dịch vụ đóng gói	8292
59.	Giáo dục nhà trẻ	8511
60.	Giáo dục mẫu giáo	8512
61.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
62.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
63.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
64.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
65.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
66.	Hoạt động thể thao khác	9319
67.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
68.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
69.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
70.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
71.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
72.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
73.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
74.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
75.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
76.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
77.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
78.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
79.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639

80.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
81.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
82.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ NHU	Thôn Cầu, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	50,000	0011850458 31	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	50,000		

2	PHẠM VĂN ĐIỆP	Thôn Nhan Bàu, Xã Thanh Hồng, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	1,000	0300840090 69	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000	30.000.000	1,000		
3	PHẠM THỊ LOAN	Số nhà 26, Ngõ 90, Phố Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0301850001 31	
			Cổ phần phổ thông	147.000	1.470.000.000	49,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	147.000	1.470.000.000	49,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ LOAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/07/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030185000131

Ngày cấp: 17/05/2023

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 26, Ngõ 90, Phố Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 26, Ngõ 90, Phố Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội